

Soạn văn lớp 11:

Bài Tự tình

Mẫu 1. Soạn văn lớp 11 bài Tự tình (ngắn gọn)**1.1. Về tác giả, tác phẩm**

- Hồ Xuân Hương người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng chủ yếu sống ở kinh thành Thăng Long. Bà đi nhiều nơi, thân thiết với nhiều danh sĩ như Nguyễn Du. Cuộc đời, tình duyên của Hồ Xuân Hương nhiều éo le, ngang trái.
- Hồ Xuân Hương là nhà thơ nổi tiếng viết về phụ nữ, viết về đề tài trào phúng đậm chất trữ tình, đậm chất văn học dân gian. Nổi bật trong sáng tác thơ Nôm Hồ Xuân Hương là tiếng nói thương cảm với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp, khát vọng của họ.
- Tự tình (bài II) nằm trong chùm thơ Tự tình gồm ba bài của Hồ Xuân Hương.

1.2. Hướng dẫn soạn bài**Câu 1 (trang 19 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

- Thời gian: Đêm khuya.
- Không gian: trống trải, mệnh mông rợn ngợp.
- Lòng người: trơ trọi, từ “trơ” đi liền với “cái hồng nhan” cùng biện pháp đảo ngữ gợi cảm giác xót xa, bề bần.
- Hình ảnh tương phản: Cái hồng nhan (nhỏ bé - hữu hạn) >< nước non (to lớn – vô hạn)
→ Tô đậm tâm trạng cô đơn, lẻ loi.
- Cụm từ “say lại tỉnh” gợi lên cái vòng luẩn quẩn, càng buồn, càng cảm nhận được nỗi đau của thân phận.
- Hình ảnh “Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn” là hình tượng chứa hai lần bi kịch: trăng sắp tàn (bóng xế) mà vẫn khuyết chưa tròn. Đó là sự tương đồng với người phụ nữ.

=> Ngoại cảnh cũng chính là tâm cảnh: Trăng = Người (Trăng sắp tàn mà vẫn chưa tròn – Tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc không trọn vẹn).

Câu 2 (trang 19 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Hình tượng thiên nhiên trong hai câu 5 và 6 diễn tả nỗi niềm phần uất của con người:

Phép đối từng cặp: xiên ngang >< đâm toạc; rêu từng đám >< đá mấy hòn; mặt đất >< chân mây...

- Biện pháp đảo ngữ kết hợp với các động từ mạnh (xiên, đâm) thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh của Hồ Xuân Hương.

- Rêu (sinh vật mềm yếu, nhỏ bé), đá (thấp bé) không cam chịu số phận, bằng mọi cách cố vươn lên những cản trở (mặt đất, chân mây) để chứng tỏ mình → Đá, rêu như đang oán hờn, như đang phản kháng quyết liệt với tạo hóa.

=> Hai câu thơ khẳng định sức sống mạnh mẽ, quyết liệt, muốn bứt phá rào cản để tự đi tìm hạnh phúc của tác giả.

Câu 3 (trang 19 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Hai câu kết là tâm trạng chán chường, buồn tủi của nhân vật trữ tình:

- Cụm từ “xuân đi xuân lại lại”: Xuân của tự nhiên qua đi rồi sẽ trở lại nhưng tuổi xuân của người thì không. Từ “lại” thứ nhất là thêm một lần nữa, còn từ “lại” thứ hai mang nghĩa trở lại. Mùa xuân trở lại nhưng tuổi xuân lại qua đi.

- Nghệ thuật tăng tiến “mảnh tình – san sê- tí – con con” nhấn mạnh sự nhỏ bé dần, sự ít ỏi, sự sẻ chia trong hạnh phúc cuộc đời của Hồ Xuân Hương làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: mảnh tình vốn đã ít, đã bé, đã không trọn vẹn lại còn phải “san sẻ” thành ra chẳng còn gì (tí con con) nên càng xót xa, tội nghiệp.

Câu 4 (trang 19 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Bài thơ vừa nói lên bi kịch, vừa cho thấy khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương. Bi kịch trong bài thơ là bi kịch của tuổi xuân, của duyên phận. Xuân đi rồi xuân lại đến, thời gian của thiên nhiên, của trời đất cứ tuần hoàn mà tuổi xuân của

con người cứ mãi qua đi không trở lại. Trong hoàn cảnh ấy, sự nhờ nhàng, sự dờ dang của duyên tình càng tăng thêm sự xót xa. Rơi vào hoàn cảnh ấy, trước sự trở trêu của số phận nhưng Hồ Xuân Hương vẫn luôn khát khao hạnh phúc, gồng mình lên để chống lại sự nghiệt ngã của số phận.

1.3. Luyện tập

(trang 20 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1): Đọc Tự tình ...

So sánh bài thơ Tự tình I và Tự tình II của tác giả Hồ Xuân Hương

a. Giống nhau:

- Sử dụng thơ Nôm đường luật, thể hiện tài năng của tác giả trong việc sử dụng ngôn ngữ sắc sảo, tài hoa nhất là khả năng sử dụng các biện pháp nghệ thuật: đảo ngữ, phép đối, tăng tiến...
- Bộc lộ tâm trạng: nỗi buồn tủi, xót xa, phần uất trước cảnh duyên phận hẩm hiu.

b. Khác nhau:

- Cảm xúc trong Tự tình I là nỗi niềm của nhà thơ trước duyên phận hẩm hiu, nhiều mất mát, trước lẽ đời đầy nghịch cảnh, đồng thời là sự vươn lên của chính bản thân, thách đố lại duyên phận.
- Còn ở Tự tình II, cũng là sự thể hiện của bi kịch duyên phận muôn màng, cố gắng vươn lên nhưng cuối cùng cũng không thoát được bi kịch. Chính vì thế bi kịch như được nhân lên, phần uất hơn.

Mẫu 2. Soạn văn lớp 11 bài Tự tình

Bố cục

- Cách chia 1:

- + Hai câu đề: Giới thiệu về hình ảnh người vợ lẽ
- + Hai câu thực: Cách giải quyết nỗi tâm tư của người vợ lẽ
- + Hai câu luận: Khát khao tìm đến hạnh phúc của người phụ nữ
- + Hai câu kết: Quy luật khắc nghiệt của thời gian và tuổi trẻ

- Cách chia 2:

+ Phần 1 (4 câu đầu): thể hiện nỗi lòng cô đơn, buồn tủi, khát vọng hạnh phúc

+ Phần 2 (4 câu tiếp): Tâm trạng tuyệt vọng của cảnh đời lẽ mọn

2.1. Câu 1 (trang 19 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

- Thời gian: Đêm khuya.

- Không gian: yên tĩnh, trống trải, mênh mông

- Hoàn cảnh: Một mình đơn côi gối chiếc

- Tâm trạng: tủi hổ, bẽ bàng, cảm thấy bản thân bị rẻ rúng đầy mỉa mai. Tuy nhiên từ “trơ” còn kết hợp với từ “nước non” (cái vĩnh hằng) thể hiện thái độ thách đố của Hồ Xuân Hương

- Cụm từ “say lại tỉnh” gợi lên cái vòng luẩn quẩn, tình duyên đã trở thành trò đùa của con tạo, càng say lại càng tỉnh, càng cảm thấy nỗi đau thân phận.

- Hình ảnh “Vàng trắng bóng xé khuyết chưa tròn” thể hiện sự éo le: trăng sắp tàn mà vẫn “khuyết chưa trong”. Tuổi thanh xuân sắp trôi qua mà nhân duyên không trọn vẹn. Chỉ trách phận hẩm duyên ôi

2.2. Câu 2 (trang 19 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

Câu 5, 6 sử dụng:

- Phép đối từng cặp: xiên ngang >< đâm toạc; rêu từng đám >< đá mấy hòn; mặt đất >< chân mây...

- Biện pháp đảo ngữ kết hợp với các động từ mạnh (xiên, đâm) thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh của Hồ Xuân Hương.

- Rêu xiên ngang mặt đất, đá đâm toạc chân mây như vạch đất, vạch trời mà hờn oán, không chỉ phản uất mà còn phản kháng.

⇒ Tinh thần phản kháng, sức sống mãnh liệt của Hồ Xuân Hương ngay cả trong tình huống bi thương.

2.3. Câu 3 (trang 19 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

- Cụm từ “xuân đi xuân lại lại”: Thể hiện sự tuần hoàn của mùa xuân cũng như tuổi xuân qua đi. Từ “lại” thứ nhất nghĩa là thêm lần nữa, “lại” thứ hai nghĩa lại trở lại.

Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. Cụm từ đó lại kết hợp với từ “ngán” thể hiện tâm trạng ngán ngẩm, ngán lắm rồi cái nỗi đời éo le, bạc bẽo.

- Nghệ thuật tăng tiến “mảnh tình – tí – con con” nhấn mạnh sự nhỏ bé dần, sự ít ỏi, sự sẻ chia trong hạnh phúc cuộc đời của Hồ Xuân Hương làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: mảnh tình vốn đã ít, đã bé, đã không trọn vẹn lại còn phải “san sẻ” thành ra chẳng còn gì (tí con con) nên càng xót xa, tội nghiệp.

⇒ Tâm trạng xót xa, tủi cực, hẩm hiu của người phụ nữ mang thân đi làm lẽ

2.4. Câu 4 (trang 19 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

- Bài thơ vừa nói lên bi kịch, của tuổi xuân, của duyên phận. Trong quang thời gian đẹp nhất của người con gái lại phải mang thân phận vợ lẽ, chăn đơn gối chiếc. Phải sống trong cảnh chồng chung, phải san sẻ tình cảm của mình cho người khác.

- Hồ Xuân Hương vẫn luôn khát khao hạnh phúc, gồng mình lên để chống lại sự nghiệt ngã của số phận.

2.5. Luyện tập (trang 19 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

Câu 1 (trang 20 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):

So sánh bài thơ Tự tình I và Tự tình II của tác giả Hồ Xuân Hương

a, Giống nhau:

- Sử dụng thơ Nôm Đường luật
- Sử dụng ngôn ngữ sắc sảo, tài hoa nhất là khả năng sử dụng các biện pháp nghệ thuật: đảo ngữ, phép đối, tăng tiến...
- Bộc lộ tâm trạng: nỗi buồn tủi, xót xa, phẫn uất trước cảnh duyên phận hẩm hiu.

b, Khác nhau:

- Cảm xúc trong Tự tình I : yếu tố phản kháng, thách đố duyên phận mạnh mẽ hơn.
- Còn ở Tự tình II: Vẫn có yếu tố phản kháng, nhưng bên cạnh đó còn thể hiện nỗi niềm xót xa, tủi hổ, bẽ bàng của người phụ nữ

Câu 2 (trang 20 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):

Học thuộc và đọc diễn cảm bài thơ.

Mẫu 3. Soạn văn lớp 11 bài Tự tình**3.1. Câu 1 (trang 19 SGK Ngữ văn 11 tập 1)**

- Thời gian: Đêm khuya.
 - Không gian: trống trải, mênh mông rợn ngợp.
 - Lòng người: trơ trọi, từ “trơ” đi liền với “cái hồng nhan” cùng biện pháp đảo ngữ gợi cảm giác xót xa, bẽ bàng.
 - Hình ảnh tương phản: Cái hồng nhan (nhỏ bé - hữu hạn) >< nước non (to lớn – vô hạn)
- => Tô đậm tâm trạng cô đơn, lẻ loi.
- Cụm từ “say lại tỉnh” gợi lên cái vòng luẩn quẩn, càng buồn, càng cảm nhận được nỗi đau của thân phận.
 - Hình ảnh “Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn” là hình tượng chứa hai lần bi kịch: trăng sắp tàn (bóng xế) mà vẫn khuyết chưa tròn. Đó là sự tương đồng với người phụ nữ, tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc chưa trọn vẹn.

3.2. Câu 2 (trang 19 SGK Ngữ văn 11 tập 1)

- Hình tượng thiên nhiên trong hai câu 5 và 6 đã góp phần diễn tả tâm trạng, thái độ của nhà thơ trước số phận người con gái:
 - + Biện pháp đảo ngữ kết hợp với các động từ mạnh “xiên”, “đâm” kết hợp với bổ ngữ thể hiện sự ngang ngạnh, bướng bỉnh của nhà thơ.
 - + Hình ảnh: rêu (mềm yếu), đá (thấp bé) không cam chịu số phận, bằng mọi cách cố vươn lên những cản trở (mặt đất, chân mây) để chứng tỏ mình
- => Tạo nên những hình ảnh miêu tả sinh động, căng đầy sức sống trong những tình huống bi thảm nhất để thể hiện rõ nhất tâm trạng của nhà thơ: gắng gượng vươn lên

3.3. Câu 3 (trang 19 SGK Ngữ văn 11 tập 1)

- Hai câu kết chính là tâm trạng của tác giả về duyên phận, về tình yêu.
 - + Câu 1: Một khi đã ra đi thì sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi trẻ.
 - + Câu 2: Một cuộc tình duyên không trọn vẹn của người phụ nữ hoặc Hồ Xuân Hương cũng ám chỉ hoàn cảnh éo le của những người phụ nữ phải chịu cảnh làm thuê thiếp nhỏ bé, phải tranh giành, sẽ chia tình yêu của mình cho người phụ nữ khác.
- => Tác giả vừa đau buồn vừa thách thức duyên phận, dù đã gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

3.4. Câu 4 (trang 19 SGK Ngữ văn 11 tập 1)

- Bi kịch:
 - + Qua những hình ảnh đối: Cái hồng nhan >< nước non; Đêm khuya >< trơ cái hồng nhan
 - + Chi tiết: đưa say lại tỉnh, trăng bóng xế khuyết chưa tròn, xuân đi xuân lại lại, mảnh tình san sẻ tí con con
- => Tác giả đau buồn, phần uất trước duyên phận hẩm hiu, lỡ làng mà phải chia sẻ tình yêu thiêng liêng
- Khát vọng: thể hiện qua hai câu luận. Đó dù là sự cô đơn, dù là hoàn cảnh không được tốt đẹp, duyên phận hẩm hiu nhưng ở tác giả vẫn luôn là khát khao được sống, được hạnh phúc, không cam chịu số phận.

3.5. Luyện tập

Câu hỏi (trang 20 SGK Ngữ văn 11 tập 1)

- + Giống nhau: Sử dụng thơ Nôm đường luật, mượn cảm thức về thời gian để thể hiện tâm trạng Cả hai bài đều là lời tự bạch, tự trải lòng mình của Hồ Xuân Hương.
- + Khác nhau:
- Bài I: nổi oán hận, nổi sầu thảm bởi đến duyên mà chẳng gặp duyên. Dầu vậy, vẫn còn niềm tin và sự ngạo nghễ để khẳng định "thân này đâu đã chịu gò tom".

- Bài II: Nỗi chán ngán, chua chát bề bàng vì có cũng như không. Kết bài thơ, có bản lĩnh mấy Hồ Xuân Hương cũng không thể dấu được nỗi chán ngán vô cùng.

3.6. Bố cục

Bố cục: 4 phần

- Đề (hai câu đầu): Nỗi niềm buồn tủi cô đơn của nữ sĩ trong đêm khuya thanh vắng
- Thực (hai câu tiếp): Tình cảnh đầy chua xót, bề bàng
- Luận (hai câu tiếp theo): Thái độ phản kháng phần uất
- Kết (hai câu cuối): Tâm trạng chán chường, buồn tủi

3.7. Nội dung chính

Tự tình (bài II) thể hiện tâm trạng, thái độ của Hồ Xuân Hương: vừa đau buồn, vừa phần uất trước duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Bài thơ cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc và tài năng của "Bà Chúa Thơ Nôm".